| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 140/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Hồng Phương
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Trương Văn Săng
Ông Bùi Văn Chiếu
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thu C**, sinh ngày: 07/7/1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 1, xã T, huyện B, tỉnh T.
*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*
**Bà Võ Thị Thu H,** sinh năm: 2000 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp An Hòa T, xã A, huyện C, tỉnh T.
Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Thị Đ, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 12/4/2024.
- *Bị đơn:* **Nguyễn Minh H**, sinh ngày: 02/4/1986 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024, bản tự khai ngày 26/8/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 03/6/2023, bà Trần Thu C có cho bị đơn ông Nguyễn Minh H vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không lãi suất, vay có kỳ hạn 02 tháng trả lại, có làm hợp đồng vay tiền, ông H có viết giấy cam kết, có ký tên và viết đầy đủ họ tên dưới mục Người vay tiền và người cam kết, mục đích ông H vay tiền là để làm ăn. Sau khi vay tiền đến nay phía bị đơn ông H không có thực hiện đúng theo thỏa thuận giữa hai bên và đến nay chưa trả tiền vay cho bà C.

Nay bà Trần Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 03/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thu C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/9/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà Trần Thu C số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 250.000 đồng/100.000.000 đồng/01 ngày, ông có đóng lãi nhưng không có làm giấy tờ, vay tiền ông có viết giấy cam kết đề ngày 03/6/2023, ký tên và viết đầy đủ họ tên dưới mục người cam kết; có ký tên dưới mục Người vay tiền của Hợp đồng vay tiền đề ngày 03/6/2023 do bà C soạn thảo sẵn. Số tiền vay trước ngày 03/6/2023, còn ngày 03/6/2023 là ngày viết giấy nợ. Thời hạn vay là 02 tháng. Mục đích ông vay tiền bà C là để làm ăn. Số tiền vay này đến nay ông chưa trả cho bà C. Ông đồng ý trả số tiền nợ vay này cho bà C tháng 3/2025 trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại hàng quý ông sẽ trả cho bà C 50.000.000 đồng đến khi hết nợ, xin không trả lãi suất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thu C chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bị đơn ông Nguyễn Minh H trả nợ tiền vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

**[2]** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh H phải trả số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Minh H thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn bà Trần Thu C số tiền 200.000.000 đồng chưa trả, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà C, phù hợp với hợp đồng vay tiền và giấy cam kết đề ngày 03/6/2023 (Bút lục số 07, 08) do nguyên đơn bà C cung cấp nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà C không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận được ghi là 02 tháng đến nay ông H chưa trả số tiền vay 200.000.000 đồng cho bà C là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà C khởi kiện yêu ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 200.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]** Xét yêu cầu trả lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 03/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 18/9/2024) của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng vay tiền và giấy cam kết đề ngày 03/6/2023 (Bút lục số 07, 08) có ấn định kỳ hạn trả nợ là 02 tháng. Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn không có trả vốn, giấy vay tiền không có ghi lãi suất. Nguyên đơn bà C trình bày không có lãi suất, bị đơn trình bày có lãi suất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng tính từ ngày 03/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 18/9/2024) là phù hợp. Số tiền lãi suất phải trả cho nguyên đơn bà C được tính như sau:

200.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng 15 ngày = 22.410.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

**[4]** Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn bà C là 222.410.000 đồng (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 22.410.000 đồng).

**[5]** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, ông H xin trả dần số tiền nợ nêu trên hàng quí và lãi suất nhưng không được người đại diện của nguyên đơn bà C chấp nhận và các bên cũng không có thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đây là giai đoạn thi hành án.

**[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông H phải chịu án phí số tiền là: 222.410.000 đồng x 5% = 11.120.500 đồng (Mười một triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu C đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H.

**2.** Buộc ông Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thu C số tiền vay 222.410.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 22.410.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 11.120.500 đồng (Mười một triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thu C 5.691.575 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002006 ngày 23/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Hồng Phương**